

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 31/12/2025

*“V/v không công nhận
quan hệ vợ chồng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Thông và bà Hoàng Thị Thanh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lý Khởi Vinh - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân khu vực 8 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Niê Đoàn Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 8 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 150/2025/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị C, sinh năm 1975; địa chỉ: Bon B, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng - Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Khắc T, sinh năm 1972; nơi thường trú: Bon B, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố B, xã M, tỉnh Quảng Ngãi - Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Phan Thị C trình bày:

Bà Phan Thị C và ông Trần Khắc T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà C và ông T chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung nên thường xuyên dẫn đến bất đồng quan điểm. Gia đình đã hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Đến nay cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt

được do không đăng ký kết hôn theo quy định nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà C và ông Trần Khắc T.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Phan Thị C và ông Trần Khắc T có 02 con chung là Trần Thị T1, sinh ngày 17/7/1998 và Trần Khắc Đ, sinh ngày 11/12/2001. Hiện nay con chung đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai bị đơn ông Trần Khắc T trình bày: Đồng ý với nội dung trình bày và yêu cầu giải quyết của bà Phan Thị C về hôn nhân và con chung.

Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra một số mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Do đó, hiện nay bà C yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà C và ông T thì ông T đồng ý. Vì điều kiện ở xa không về tham gia phiên tòa nên yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Lâm Đồng có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự: Đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của BLTTDS năm 2025.

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 15 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị C.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Phan Thị C và ông Trần Khắc T là vợ chồng.

- Về con chung: Con chung là Trần Thị T1, sinh ngày 17/7/1998 và Trần Khắc Đ, sinh ngày 11/12/2001. Hiện nay đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những yêu cầu kiến nghị khác phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Phan Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “*Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*” với ông Trần Khắc T; ông T có đăng ký thường trú tại Bon B, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; Vì vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng quy định tại Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án, do bà C và ông T chung sống với nhau, không đăng ký kết hôn nên khi yêu cầu ly hôn thì quan hệ pháp luật được xác định là “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án Hôn nhân và Gia đình không quy định thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, vụ án được thụ lý và giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3]. Về chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự, tại phiên tòa các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị C và ông Trần Khắc T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, cuộc sống thời gian đầu sống rất hạnh phúc không có mâu thuẫn gì trong gia đình. Nhưng từ năm 2019 đến nay vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hiện mỗi người đã sống một nơi. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà C đã viết đơn xin ly hôn yêu cầu Tòa án xét xử bằng bản án tuyên bố không công nhận là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của bà C là có căn cứ, việc chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình là không được pháp luật công nhận. Hậu quả của việc bà C và ông T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của luật này thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân gia đình:

1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.

2. Trong trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng sau đó thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật thì quan hệ hôn nhân được xác lập từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Điều 53. Thụ lý đơn yêu cầu ly hôn

1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị C. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị C và ông Trần Khắc T.

[4] Về con chung: Con chung Trần Thị T1, sinh ngày 17/7/1998 và Trần Khắc Đ, sinh ngày 11/12/2001 đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[6] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Lâm Đồng kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về nội dung vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà Phan Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

[8] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 29; khoản 1 Điều 39, Điều 143; Điều 147; Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 35 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của BLTTDS.

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 53; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Phan Thị C và ông Trần Khắc T là vợ chồng.

2. Về con chung: Con chung Trần Thị T1, sinh ngày 17/7/1998 và Trần Khắc Đ, sinh ngày 11/12/2001 đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Phan Thị C phải nộp toàn bộ số tiền án phí trên, được khấu trừ vào số tiền bà C đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai số 0007274 ngày 31/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đ (Phòng Thi hành án dân sự khu vực X – Lâm Đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ ;
- VKSND KV 8 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Đ;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà